Name: ……..

Date: …. /…. /20....

Class: S4…

Ngữ pháp: ……

Đọc: ……..

Nghe: ……..

Mini Test: ……..…...

GLOBAL ENGLISH 4 – UNIT 5 + 6

VOCABULARY REVISION

❖ ***Lưu ý:*** *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ* ***1 dòng*** *để ghi nhớ nhé.*

A. Vocabulary

No	Words	Meanings	No	Words	Meanings
1.	**wicked tribe (n.phr)**	bộ tộc độc ác, xấu xa	**2.**	**capture (v)**	bắt giữ
3.	**peaceful (adj)**	hòa bình	**4.**	**kingdom (n)**	vương quốc
5.	**guardian (n)**	người bảo vệ	**6.**	**magic (n)**	phép thuật
7.	**path (n)**	con đường nhỏ	**8.**	**narrow mountain track**	con đường mòn hẹp trên núi
9.	**half price**	nửa giá	**10.**	**available (adj)**	có sẵn
11.	**indoor sports (n.phr)** **outdoor sports (n.phr)**	thể thao trong nhà, có mái che thể thao ngoài trời	**12.**	**explain (v)**	giải thích
13.	**chemistry (n)**	môn hóa học	**14.**	**give someone a lift**	cho ai đó đi nhờ xe
15.	**fill in the form**	điền vào mẫu đơn	**16.**	**a 30% off**	giảm giá 30%
17.	**chance (n)**	cơ hội	**18.**	**describe (v)**	mô tả

n = noun: danh từ, v = verb: động từ, n.phr = noun phrase: cụm danh từ, adj = adjective: tính từ

B. Homework

I. Circle the correct answer.

0. The ***(title / setting)*** *of the story is Mei and the Pirate Queen.*

1. Can you **(kingdom / describe)** the taste of the cake you baked?

2. Take a **(chance / magic)** and try the new coffee flavor; you might like it.

3. Please **(explain / path)** how to play this game to someone who has never played it before.

4. Cooking is like a fun **(available/ chemistry)** experiment *(cuộc thí nghiệm)* in the kitchen.

5. Rock climbing is one of his favorite **(indoor sports/ outdoor sports)**.

II. Complete the sentences using the given words.

~~hopped~~	cables	put on	hike	lorry	seatbelt

0. Rabin ***hopped*** *off the rock.*

1. Underground _____ carry electricity to all parts of the city.

LIVEWORKSHEETS

2. She got into the car and fastened *(đóng, gài)* her _____.
3. There are vegetables and fruits in the _____.
4. I _____ a sweater and went outside.
5. They went on a ten-mile _____ through the forest.

III. Match the column A with the column B.

A	B
~~0. bridge~~	A. You laugh in a silly way because you are embarrassed or nervous or you think that something is funny.
1. picnic site	B. It is a place where the subway train stops so that passengers can embark *(đi lên)* and disembark *(đi xuống)*.
2. pedestrian crossing	C. *It is a long low structure built in a lake, river or the sea and joined to the land at one end, used by boats to allow passengers to get on and off.*
3. metro station	D. This is a part of a road where vehicles must stop to allow people to cross.
4. giggle	E. A place, typically in the countryside, in which people build up tents, enjoy outdoor activities.

IV. Complete the sentences.

0. *The title / is Mei / of the story /and / the Pirate Queen.*
   → ***The title of the story is Mei and the Pirate Queen***.
1. The / acted / dog / as / guardian. / a loyal *(trung thành)*
   → _____.
2. Martin / like / seems / a very intelligent / man. / young
   → _____.
3. in the morning / is / and peaceful. / quiet / garden / The
   → _____.
4. worked hard / police / The / to / the criminals. / capture
   → _____.
5. gave / yesterday morning. / My aunt / me / a lift / to school
   → _____.

Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc

LIVEWORKSHEETS

Questions 1–6

For each question, choose the correct answer.

1

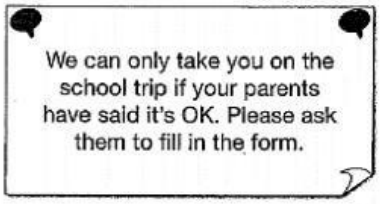


A There is 30% off all tickets.

B You can save money this week.

C Tickets are only available this week.

2

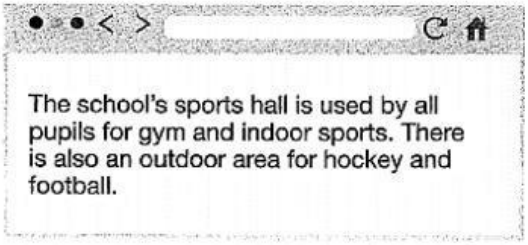


A Parents can come on the trip if they want.

B Pupils must fill in a form and show it to their parents.

C The school can take pupils on the trip if their parents let them go.

3



This text is

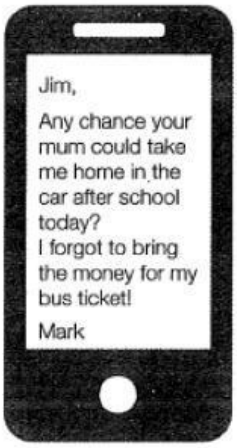
A describing the sports lessons at the school.

B explaining where you can do sports at the school.

C saying that the pupils at the school are good at sports.

LIVEWORKSHEETS

4



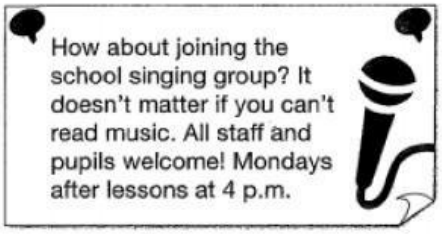
What does Mark want to do?

A borrow some money

B travel home with Jim

C invite Jim to visit him

5



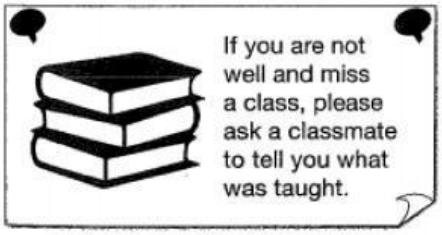
Who can join the singing group?

A anyone at the school

B pupils who have music lessons

C people who can already read music

6



Who is this message for?

A pupils who are feeling ill

B pupils who couldn't go to a lesson

C pupils who would like to help their friends

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài Nghe part 1 tại link sau: https://www.youtube.com/watch?v=XgIvgQaROgs
Lưu ý: Con hãy mở link nghe bằng máy tính

Questions 1–5

60 For each question, choose the correct answer.

---

1 How much did the boy's football shirt cost?



A B C

2 What did Sophie enjoy doing most at the weekend?



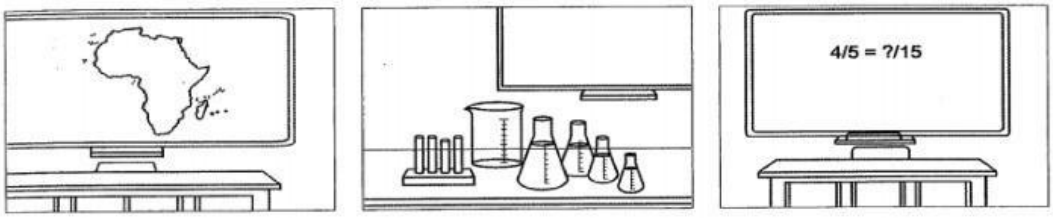
A B C

3 Where did Paul stay on holiday this year?



A B C

4 Which subject will they study first today?



A B C

5 Why was Tina late for school today?



A B C

LIVEWORKSHEETS

MINI TEST

I. Complete the table.

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
0	*(n) setting*	*bối cảnh*	3	(n) t_____	tiêu đề
1	(n) d_____	tình trạng khó xử	4	(n) g_____	sự hướng dẫn, chỉ đạo
2	(n) r_____	khe núi, hẻm núi	5	(n) c_____	nhân vật

II. Circle the correct answer.

0. The thief ***(take / took)*** *everything while they* ***(were watching / watched)*** *TV.*

1. He **(were making / was making)** a lot of noise so we **(woke up / wakes up)** and scared him.

2. Sarah **(was not working / not was working)** when I called her.

3. I **(break / broke)** my leg while I **(was skiing / were skiing)**.

4. She was answering an important e-mail when I **(interrupted / was interrupting)** her.

5. What **(was he doing / was he did)** when you **(walk / walked)** into the room?

❖ ***Lưu ý:*** *Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở* ***1 dòng****.*

LIVEWORKSHEETS